

MARKET INSIGHTS REPORTS

15/9/2021

ĐẦU TƯ CÔNG TRỞ LẠI

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Xét về mặt kỹ thuật, khối lượng giảm trong khi giá tăng không phải là tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, bối cảnh đi ngang hiện tại cũng không nên quá lo lắng về điều đó. Các điểm cần lưu ý về kỹ thuật: (i) Thị trường vẫn nằm trong xu hướng đi ngang với dải Bollinger Band co hẹp lại. ADX(14) giảm về vùng 11.3 cho thấy xu hướng này đã được khẳng định. Tuy nhiên, phải nói rằng ADX(14) cũng sắp đi tới điểm tới hạn. Tức là chỉ cần giảm 1 – 2 phiên nữa ADX(14) sẽ quay trở lại đã tăng để xác nhận một xu hướng khác. Do vậy, có thể bắt đầu tuần mới thị trường có thể có chu kỳ biến động mạnh hơn thay thế cho chu kỳ đi ngang hiện tại. (ii) Độ rộng thị trường bắt đầu tăng trở lại và phân bổ sang nhóm vốn hóa lớn hoặc các nhóm có khả năng dẫn dắt như thép, đầu tư công, MSN... đã giúp cái nhìn hôm nay bớt tiêu cực. Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 06 mã cho tín hiệu mua, 06 mã cho tín hiệu bán, 18 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã lớn có hiệu suất sinh lời kém từ đầu năm như BVH, GAS, PLX, MSN đang có mẫu hình giao dịch đẹp và cho tín hiệu mua vào. Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 46.67% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Các thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch có xu hướng giằng co với giá đóng cửa thấp hơn. Kháng cự là 1,370 điểm. Hỗ trợ là 1,300 điểm. Lưu ý: ngày mai đáo hạn chứng khoán phái sinh và thường có giao dịch bất ngờ vào phiên ATC.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- TTCK Mỹ luôn xuất hiện một đợt điều chỉnh mạnh trong năm;
- Sự tăng trưởng đáng kinh ngạc trong thế kỷ 21 của Apple;

TTCK Mỹ: Cổ phiếu giảm xuống cho thấy các nhà đầu tư đang có chút lo lắng về thị trường kèm theo thông tin lạm phát không quá tích cực. Hành động giá trên cặp tiền AUD / JPY dường như xác nhận điều này. Dự báo các chỉ báo đi xuống tối nay.

CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

| | |
|--------------------------------|--------------|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch | 452 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 16 |
| Số cổ phiếu tăng giá | 281 / 60.04% |
| Số cổ phiếu giảm giá | 147 / 31.41% |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá | 40 / 8.55% |

HNX

| | |
|--------------------------------|--------------|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch | 279 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 63 |
| Số cổ phiếu tăng giá | 160 / 46.78% |
| Số cổ phiếu giảm giá | 65 / 19.01% |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá | 117 / 34.21% |

UPCOM

| | |
|--------------------------------|--------------|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch | 383 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 520 |
| Số cổ phiếu tăng giá | 216 / 23.92% |
| Số cổ phiếu giảm giá | 111 / 12.29% |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá | 576 / 63.79% |

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

| | Mua | Bán | Mua-Bán |
|----------------------|------------|------------|------------|
| Khối lượng | 31,465,500 | 32,960,590 | -1,495,090 |
| % KL toàn thị trường | 4,55% | 4,76% | |
| Giá trị | 1644,19 tỷ | 1658,05 tỷ | -13,86 tỷ |
| % GT toàn thị trường | 9,62% | 9,70% | |

HNX

| | Mua | Bán | Mua-Bán |
|----------------------|-----------|-----------|---------|
| Khối lượng | 1,130,430 | 1,131,930 | -1,500 |
| % KL toàn thị trường | 0,66% | 0,66% | |
| Giá trị | 24,13 tỷ | 19,90 tỷ | 4,23 tỷ |
| % GT toàn thị trường | 0,77% | 0,64% | |

UPCOM

| | Mua | Bán | Mua-Bán |
|----------------------|----------|----------|----------|
| Khối lượng | 782,120 | 470,240 | 311,880 |
| % KL toàn thị trường | 0,59% | 0,36% | |
| Giá trị | 36,72 tỷ | 12,25 tỷ | 24,47 tỷ |
| % GT toàn thị trường | 1,53% | 0,51% | |

THỐNG KÊ ĐẶT LỆNH

HOSE

| | | | | | |
|------------|---------------|--------|---------------|--------|-------------|
| Số lệnh | 493,301 | -2.20% | 404,921 | -0.76% | 88,380 |
| Khối lượng | 1,345,522,500 | -2.83% | 1,244,103,400 | -5.62% | 101,419,100 |

HNX

| | | | | | |
|------------|-------------|--------|-------------|-------|-------------|
| Số lệnh | 115,440 | -1.59% | 92,054 | 2.23% | 23,386 |
| Khối lượng | 228,914,076 | 0.54% | 230,410,159 | 1.23% | (1,496,083) |

UPCOM

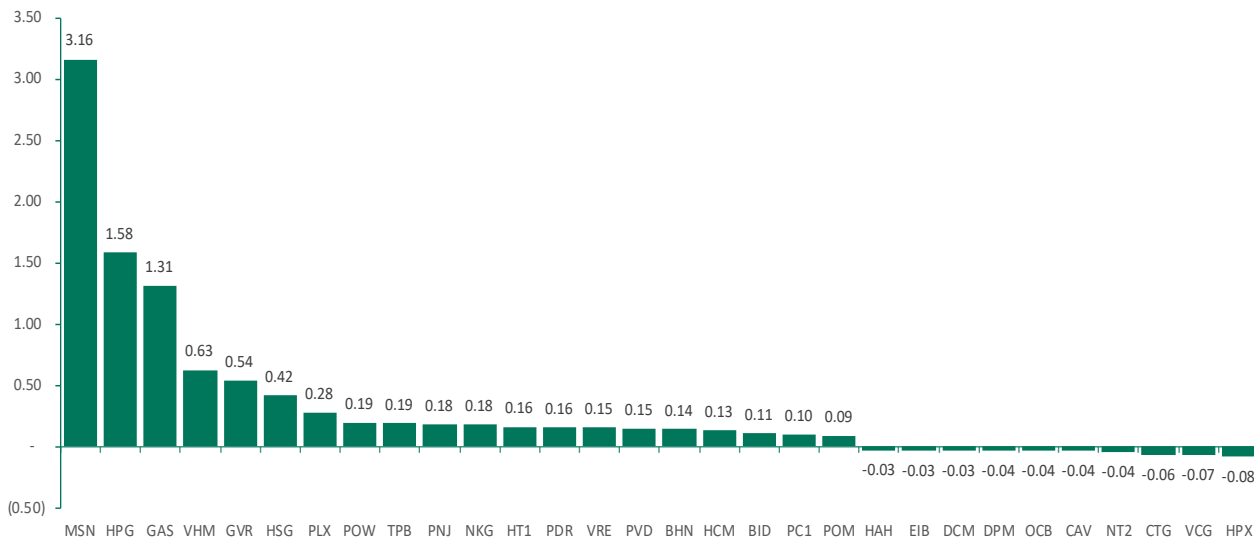
| | | | | | |
|------------|-------------|--------|-------------|--------|------------|
| Số lệnh | 108,660 | 23.71% | 80,551 | 14.73% | 28,109 |
| Khối lượng | 183,667,911 | 29.20% | 168,335,223 | 20.60% | 15,332,688 |

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

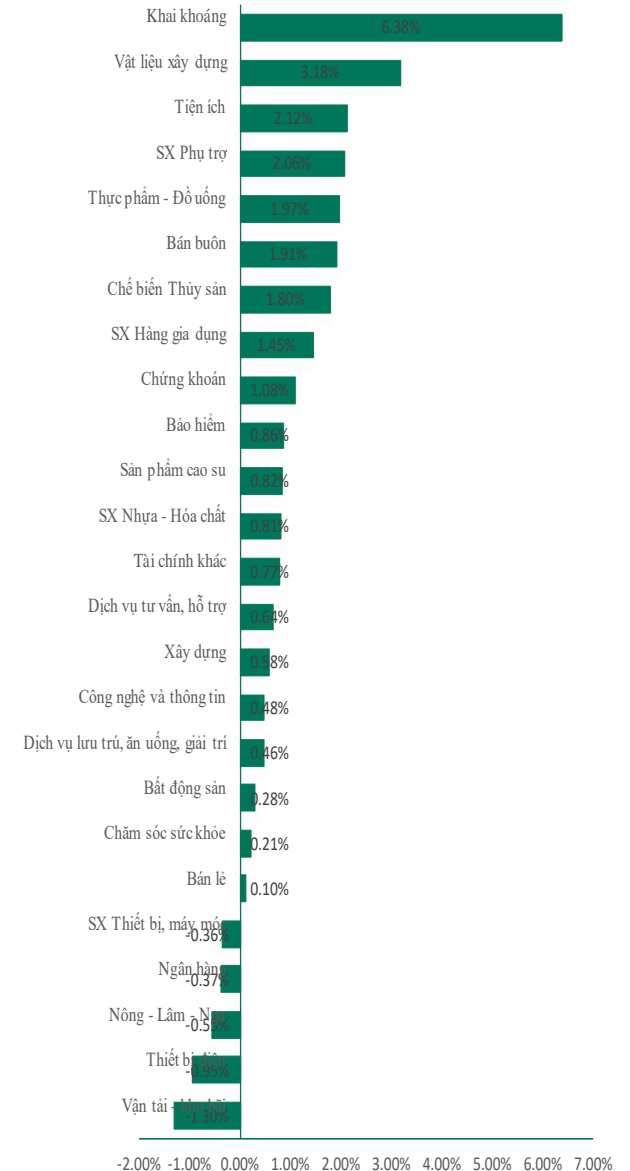
TÓP 10 VỐN HÓA

| STT | Mã CK | KL | Giá | (-/+) % | P/E | P/B | EPS | Vốn hóa |
|-----|-------|------------|---------|-----------------|--------|------|-------|---------|
| 1 | VCB | 798,500 | 97,100 | -1,200 (-1.22%) | 21.72 | 3.43 | 4,470 | 360,132 |
| 2 | VIC | 1,037,000 | 91,400 | -600 (-0.65%) | 54.05 | 2.41 | 1,691 | 347,797 |
| 3 | VHM | 9,287,400 | 81,900 | 700 (0.86%) | 9.85 | 2.77 | 8,315 | 274,325 |
| 4 | HPG | 25,908,900 | 51,600 | 1,300 (2.58%) | 13.42 | 3.12 | 3,846 | 230,803 |
| 5 | VNM | 2,425,000 | 86,100 | -900 (-1.03%) | 18.05 | 5.23 | 4,770 | 179,945 |
| 6 | GAS | 1,379,300 | 91,500 | 2,500 (2.81%) | 22.72 | 3.66 | 4,028 | 175,126 |
| 7 | MSN | 2,796,100 | 144,900 | 9,400 (6.94%) | 137.48 | 5.44 | 1,054 | 171,059 |
| 8 | TCB | 5,037,600 | 48,400 | -100 (-0.21%) | 13.77 | 2.02 | 3,515 | 169,637 |
| 9 | VPB | 4,153,000 | 63,900 | 0 (0%) | 14.96 | 2.63 | 4,271 | 157,817 |
| 10 | BID | 1,055,100 | 38,800 | 100 (0.26%) | 26.81 | 1.84 | 1,447 | 156,054 |

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Dòng tiền trở lại nhóm đầu tư công

Diễn biến thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 6.13 điểm (0.46%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Ngành khai khoáng dẫn đầu mức tăng trong ngày. 23/30 cổ phiếu ngành này đều tăng giá trong đó có rất nhiều các mã tăng trần bao gồm nhóm than (TC6, THT, TDN, TMB, TVD...), nhóm khai thác kim loại ACM, AMC, HLC, KSQ, LCM..., nhóm dầu khí như PVD. KSB cũng có phiên giao dịch tốt với mức tăng hơn 5%.

(2) Ngành vật liệu xây dựng là ngành tăng giá tốt thứ 2 trong ngày. Có tới 29/39 cổ phiếu ngành này tăng giá trong đó có một loạt mã nhóm thép và xi măng tăng trần như NKG, POM, HOM, HT1, NSH... nhà đầu tư có xu hướng quay trở lại nhóm ngành được cho là hưởng lợi từ đầu tư công sau thông tin sẽ giải ngân khoảng 20,000 tỷ vốn đầu tư công từ Bộ Giao Thông Vận Tải trong Q4/2021.

(3) Ngành tiện ích tăng giá mạnh thứ 3 trong ngày trên sàn. 22/45 cổ phiếu trong ngành này tăng giá trong đó nhóm cổ phiếu khí tăng mạnh và nhiều mã đóng cửa ở mức giá trần như ASP, PVG, PCG, CNG... GAS là cổ phiếu lớn nhất trong nhóm ngành này cũng đã thiết lập một cây nến tăng giá mạnh và thoát khỏi xu hướng đi ngang giai đoạn vừa qua.

(4) Ngành thực phẩm và đồ uống cũng có một phiên giao dịch tốt trong ngày. 25/35 cổ phiếu nhóm ngành này tăng giá trong đó MSN, AGM và TAR tăng trần. MSN chính thức thiết lập mốc đỉnh cao mới trong 52 tuần. Một loạt thông tin về hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tài chính cũng như tái cấu trúc hoạt động kinh doanh là chất xúc tác thúc đẩy hiệu suất giao dịch tốt của MSN trong giai đoạn vừa qua. QNS cũng là cổ phiếu giao dịch nổi bật trong nhóm ngành này khi tăng hơn 4% sau thông tin Tổng Giám Đốc mua vào 1 triệu cổ phiếu. Khối ngoại cũng tích cực hỗ trợ mua ròng cổ phiếu này trong thời gian vừa qua. Với câu chuyện về M&A cùng sức cầu lớn từ các bên liên quan, sự trợ giá của khối ngoại cùng kết quả kinh doanh cải thiện nhờ giá đường tăng mạnh sẽ tiếp tục thúc đẩy QNS tăng giá trong thời gian tới và hướng tới vùng giá 60.

(5) Ngành chế biến thủy sản cũng tăng tốt trong ngày. 6/11 cổ phiếu ngành này tăng giá. Dẫn đầu mức tăng là ANV, VHC, IDI... Đây vẫn là ngành hấp dẫn trong trung hạn và sau một nhịp tăng sẽ có một nhịp điều chỉnh và thường đó là cơ hội để mua vào.

(6) Nhóm chứng khoán, bảo hiểm tăng giá nhẹ trong khi ngân hàng tiếp tục điều chỉnh. Ngành vận tải là ngành giảm mạnh nhất hôm sau khi bị chốt lời sau chuỗi tăng mạnh.

(7) Nhóm thị giá thấp có dấu hiệu chốt lời sau vài phiên tăng giá gần đây.

Phân tích kỹ thuật

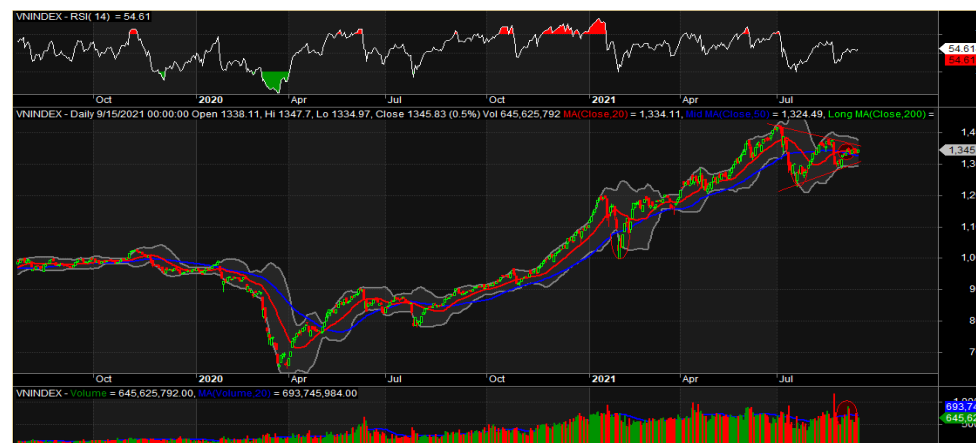
VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Xét về mặt kỹ thuật, khối lượng giảm trong khi giá tăng không phải là tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, bối cảnh đi ngang hiện tại cũng không nên quá lo lắng về điều đó.

Các điểm cần lưu ý về kỹ thuật: (i) Thị trường vẫn nằm trong xu hướng đi ngang với dải Bollinger Band co hẹp lại. ADX(14) giảm về vùng 11.3 cho thấy xu hướng này đã được khẳng định. Tuy nhiên, phải nói rằng ADX(14) cũng sắp đi tới điểm tới hạn. Tức là chỉ cần giảm 1 – 2 phiên nữa ADX(14) sẽ quay trở lại đà tăng để xác nhận một xu hướng khác. Do vậy, có thể bắt đầu tuần mới thị trường có thể có chu kỳ biến động mạnh hơn thay thế cho chu kỳ đi ngang hiện tại. (ii) Độ rộng thị trường bắt đầu tăng trở lại và phân bổ sang nhóm vốn hóa lớn hoặc các nhóm có khả năng dẫn dắt như thép, đầu tư công, MSN... đã giúp cái nhìn hôm nay bớt tiêu cực.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 06 mã cho tín hiệu mua, 06 mã cho tín hiệu bán, 18 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã lớn có hiệu suất sinh lời kém từ đầu năm như BVH, GAS, PLX, MSN đang có mẫu hình giao dịch đẹp và cho tín hiệu mua vào.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 46.67% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Các thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch có xu hướng giằng co với giá đóng cửa thấp hơn. Kháng cự là 1,370 điểm. Hỗ trợ là 1,300 điểm. Lưu ý: ngày mai đáo hạn chứng khoán phái sinh và thường có giao dịch bất ngờ vào phiên ATC.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

| Ticker | Pivot | BC | TC | NarrowRange | R1 | R2 | R3 | R4 | S1 | S2 | S3 | S4 |
|----------|---------|---------|---------|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| HNX30 | 575.77 | 575.19 | 576.34 | YES | 582.3 | 587.69 | 594.22 | 599.61 | 570.38 | 563.85 | 558.46 | 551.93 |
| HNXINDEX | 350.15 | 349.85 | 350.45 | YES | 352.59 | 354.44 | 356.88 | 358.73 | 348.3 | 345.86 | 344.01 | 341.57 |
| UPINDEX | 95.46 | 95.29 | 95.64 | NO | 96.21 | 96.6 | 97.35 | 97.74 | 95.07 | 94.32 | 93.93 | 93.18 |
| VNXALL | 2255.36 | 2252.19 | 2258.54 | NO | 2271.38 | 2281.05 | 2297.07 | 2306.74 | 2245.69 | 2229.67 | 2220 | 2203.98 |
| VN30 | 1441.75 | 1440.2 | 1443.3 | NO | 1450.74 | 1456.63 | 1465.62 | 1471.51 | 1435.86 | 1426.87 | 1420.98 | 1411.99 |
| VNINDEX | 1342.83 | 1341.33 | 1344.33 | NO | 1350.7 | 1355.56 | 1363.43 | 1368.29 | 1337.97 | 1330.1 | 1325.24 | 1317.37 |
| VN30F1M | 1444.43 | 1442.9 | 1445.97 | NO | 1454.07 | 1460.63 | 1470.27 | 1476.83 | 1437.87 | 1428.23 | 1421.67 | 1412.03 |
| VN30F1Q | 1437.03 | 1435.85 | 1438.22 | YES | 1441.77 | 1444.13 | 1448.87 | 1451.23 | 1434.67 | 1429.93 | 1427.57 | 1422.83 |
| VN30F2M | 1438.77 | 1437.45 | 1440.08 | YES | 1444.93 | 1448.47 | 1454.63 | 1458.17 | 1435.23 | 1429.07 | 1425.53 | 1419.37 |
| VN30F2Q | 1436.97 | 1435.6 | 1438.33 | YES | 1442.43 | 1445.17 | 1450.63 | 1453.37 | 1434.23 | 1428.77 | 1426.03 | 1420.57 |
| ACB | 31.28 | 31.33 | 31.24 | NO | 31.42 | 31.63 | 31.77 | 31.98 | 31.07 | 30.93 | 30.72 | 30.58 |
| BID | 38.8 | 38.8 | 38.8 | YES | 39 | 39.2 | 39.4 | 39.6 | 38.6 | 38.4 | 38.2 | 38 |
| BVH | 53.73 | 53.55 | 53.92 | NO | 54.47 | 54.83 | 55.57 | 55.93 | 53.37 | 52.63 | 52.27 | 51.53 |
| CTG | 31.22 | 31.25 | 31.18 | NO | 31.43 | 31.72 | 31.93 | 32.22 | 30.93 | 30.72 | 30.43 | 30.22 |
| GAS | 90.77 | 90.4 | 91.13 | NO | 93.03 | 94.57 | 96.83 | 98.37 | 89.23 | 86.97 | 85.43 | 83.17 |
| GVR | 38.25 | 38.13 | 38.38 | NO | 39.05 | 39.6 | 40.4 | 40.95 | 37.7 | 36.9 | 36.35 | 35.55 |
| FPT | 93.93 | 93.85 | 94.02 | YES | 94.57 | 95.03 | 95.67 | 96.13 | 93.47 | 92.83 | 92.37 | 91.73 |
| HDB | 24.82 | 24.85 | 24.78 | NO | 24.93 | 25.12 | 25.23 | 25.42 | 24.63 | 24.52 | 24.33 | 24.22 |
| HPG | 51.17 | 50.95 | 51.38 | NO | 52.43 | 53.27 | 54.53 | 55.37 | 50.33 | 49.07 | 48.23 | 46.97 |
| KDH | 41.1 | 41.05 | 41.15 | NO | 41.4 | 41.6 | 41.9 | 42.1 | 40.9 | 40.6 | 40.4 | 40.1 |
| MBB | 27.42 | 27.4 | 27.43 | YES | 27.63 | 27.82 | 28.03 | 28.22 | 27.23 | 27.02 | 26.83 | 26.62 |
| MSN | 141.6 | 139.95 | 143.25 | NO | 148.2 | 151.5 | 158.1 | 161.4 | 138.3 | 131.7 | 128.4 | 121.8 |
| MWG | 124.13 | 123.9 | 124.37 | NO | 125.47 | 126.33 | 127.67 | 128.53 | 123.27 | 121.93 | 121.07 | 119.73 |
| NVL | 102.93 | 102.85 | 103.02 | YES | 103.27 | 103.43 | 103.77 | 103.93 | 102.77 | 102.43 | 102.27 | 101.93 |
| PDR | 81.33 | 81.15 | 81.52 | NO | 82.37 | 83.03 | 84.07 | 84.73 | 80.67 | 79.63 | 78.97 | 77.93 |
| PLX | 50.63 | 50.5 | 50.77 | NO | 51.17 | 51.43 | 51.97 | 52.23 | 50.37 | 49.83 | 49.57 | 49.03 |
| POW | 11.72 | 11.68 | 11.76 | NO | 11.93 | 12.07 | 12.28 | 12.42 | 11.58 | 11.37 | 11.23 | 11.02 |
| PNJ | 90.77 | 90.2 | 91.33 | NO | 93.03 | 94.17 | 96.43 | 97.57 | 89.63 | 87.37 | 86.23 | 83.97 |
| SAB | 163.5 | 162.25 | 164.75 | NO | 168.5 | 171 | 176 | 178.5 | 161 | 156 | 153.5 | 148.5 |
| SSI | 42.65 | 42.53 | 42.78 | NO | 43.4 | 43.9 | 44.65 | 45.15 | 42.15 | 41.4 | 40.9 | 40.15 |
| TCB | 48.43 | 48.45 | 48.42 | YES | 48.77 | 49.13 | 49.47 | 49.83 | 48.07 | 47.73 | 47.37 | 47.03 |
| STB | 26.68 | 26.72 | 26.64 | NO | 26.82 | 27.03 | 27.17 | 27.38 | 26.47 | 26.33 | 26.12 | 25.98 |
| TPB | 37.92 | 37.75 | 38.08 | NO | 38.83 | 39.42 | 40.33 | 40.92 | 37.33 | 36.42 | 35.83 | 34.92 |
| VHM | 82.03 | 82.1 | 81.97 | YES | 83.37 | 84.83 | 86.17 | 87.63 | 80.57 | 79.23 | 77.77 | 76.43 |
| VCB | 97.5 | 97.7 | 97.3 | NO | 97.9 | 98.7 | 99.1 | 99.9 | 96.7 | 96.3 | 95.5 | 95.1 |
| VIC | 91.7 | 91.85 | 91.55 | NO | 92.1 | 92.8 | 93.2 | 93.9 | 91 | 90.6 | 89.9 | 89.5 |
| VIC | 125.9 | 125.85 | 125.95 | YES | 126.5 | 127 | 127.6 | 128.1 | 125.4 | 124.8 | 124.3 | 123.7 |
| VPB | 63.7 | 63.6 | 63.8 | NO | 64.3 | 64.7 | 65.3 | 65.7 | 63.3 | 62.7 | 62.3 | 61.7 |
| VNM | 86.33 | 86.45 | 86.22 | NO | 86.57 | 87.03 | 87.27 | 87.73 | 85.87 | 85.63 | 85.17 | 84.93 |
| VRE | 28.4 | 28.33 | 28.47 | NO | 28.8 | 29.05 | 29.45 | 29.7 | 28.15 | 27.75 | 27.5 | 27.1 |

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

| Ticker | Volume | Avg Volume 10 Days | Change % | Daily Returns % |
|------------|-------------------|--------------------|---------------|-----------------|
| HQC | 22,062,500 | 10,508,110 | 210 | 1.67 |
| PVS | 19,649,000 | 9,325,340 | 211 | 6.37 |
| DLG | 19,053,200 | 9,176,930 | 208 | -0.86 |
| BSR | 18,401,000 | 7,698,620 | 239 | 4.92 |
| TTF | 12,209,500 | 5,009,590 | 243.72 | -2.77 |
| VOS | 10,399,700 | 4,117,110 | 253 | 3.13 |
| HUT | 9,648,400 | 4,641,240 | 208 | 9.3 |
| DDV | 8,506,000 | 4,171,440 | 203.91 | 4.97 |
| TDH | 8,271,200 | 3,841,420 | 215 | 6.77 |
| VHG | 8,169,500 | 3,511,660 | 233 | 9.09 |
| ACM | 7,371,300 | 3,593,430 | 205.13 | 7.69 |
| VIG | 6,637,800 | 2,634,640 | 252 | -8.86 |
| MBG | 6,633,700 | 2,969,960 | 223 | 9.28 |
| HTI | 6,633,100 | 3,178,550 | 209 | 6.96 |
| KVC | 6,217,300 | 2,794,330 | 223 | -4.41 |
| TNI | 5,928,400 | 1,884,480 | 314.59 | 6.87 |
| HHS | 5,718,800 | 2,706,720 | 211 | 4.65 |
| HVN | 5,463,200 | 1,890,350 | 289 | -6.46 |
| DST | 5,237,800 | 1,870,400 | 280 | 5.88 |
| CDO | 4,167,500 | 1,519,520 | 274 | 13.89 |
| G36 | 4,166,800 | 1,835,760 | 226.98 | 12.93 |
| PVL | 3,640,200 | 1,633,060 | 223 | 9.09 |
| GEG | 3,290,200 | 1,087,550 | 303 | 4.74 |
| NED | 2,740,200 | 735,900 | 372 | 12.79 |
| VPH | 2,233,600 | 676,760 | 330 | -1.39 |
| TLD | 1,926,300 | 685,520 | 281 | 0.58 |
| TAR | 1,736,300 | 702,910 | 247 | 9.6 |
| PFL | 1,631,900 | 560,250 | 291 | 10.26 |
| PXS | 1,511,200 | 328,090 | 461 | 5.77 |
| GAS | 1,379,300 | 649,480 | 212 | 2.81 |
| SGT | 1,286,600 | 439,780 | 293 | 6.88 |
| KSQ | 1,248,100 | 437,660 | 285 | 8.82 |
| VNH | 1,120,300 | 320,590 | 349 | 13.04 |
| TIS | 1,085,700 | 99,250 | 1,094 | 11.38 |
| ITD | 1,032,000 | 261,220 | 395 | 5.99 |
| SDP | 910,600 | 253,120 | 360 | 9.68 |
| DGT | 908,600 | 213,380 | 426 | 10.76 |
| FCM | 799,900 | 74,630 | 1,072 | 7 |
| PGT | 799,300 | 117,500 | 680 | 7.38 |
| ICT | 733,700 | 285,340 | 257 | -2.54 |

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: Các mã nhỏ có xu hướng bùng nổ khối lượng giao dịch so với trung bình

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

| Ngày khuyến nghị | Mã CK | Khuyến nghị hành động | Giá mua/bán | Hiệu suất sinh lời | Ghi chú |
|------------------|-------|-----------------------|-------------|--------------------|--|
| 10-Sep | AST | Mua | ≤ 52.5 | 10% -20% | Giá cắt MA(20), MA(50), MACD > 0, khối lượng giao dịch tăng. |
| 10-Sep | KMR | Mua | ≤ 9 | 10% -20% | Giá cắt MA(20), MA(50), MACD > 0, khối lượng giao dịch tăng, cổ phiếu đầu cơ cao |
| 10-Sep | CEO | Mua | ≤ 11 | 10% -20% | Giá cắt MA(20), MA(50), khối lượng giao dịch tăng và giá vượt đỉnh |

- Hôm nay chúng tôi không mở trạng thái mua cổ phiếu mới nào.
- Nhà đầu tư nếu muốn giao dịch hãy quan sát hai nhóm: Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chưa tăng giá từ đầu năm như BVH, VNM, SAB, MWG, VIC, GAS...trong nhịp tái cơ cấu ETF và đáo hạn phái sinh này.
- Nhóm đầu tư công như PLC, hay nhóm cổ phiếu thép và ngành đá may mặc cũng đang có giao dịch tốt nên quan sát.
- Tỷ trọng danh mục cổ phiếu đề xuất ở mức 100%.
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
 - ✓ Đặt mức dừng lỗ bằng 1/2 mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
 - ✓ Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
 - ✓ Đặt mức dừng lỗ 10% ;

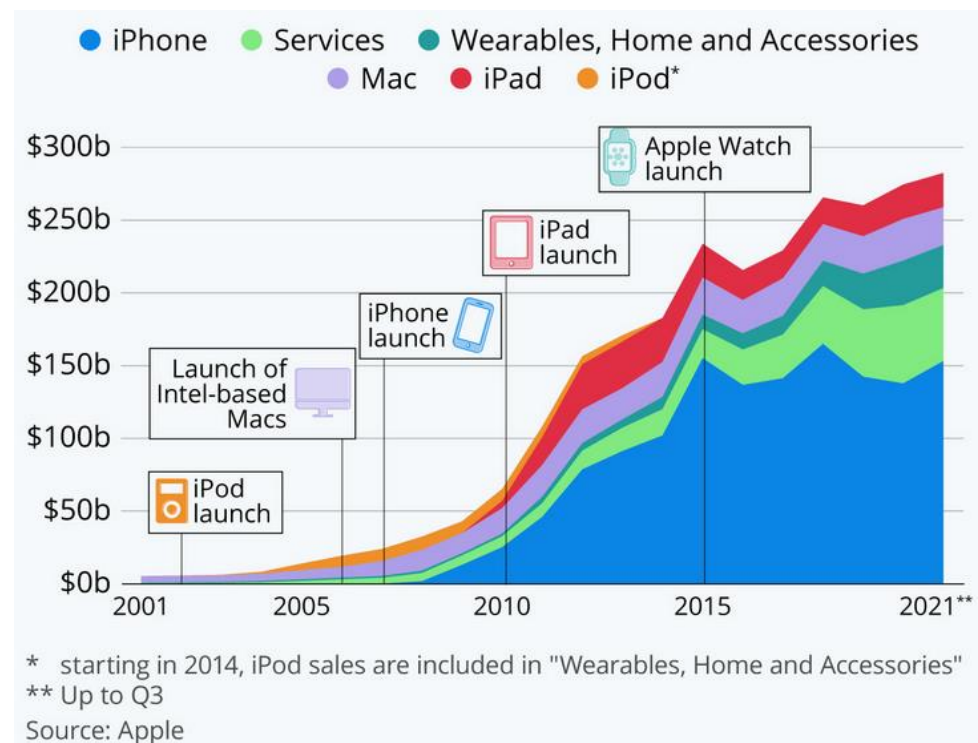
BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

TTCK Mỹ luôn xuất hiện một đợt điều chỉnh mạnh trong năm

S&P 500 Index: Max Intra-Year Drawdowns (1928 - 2021)

| Year | DD | Year | DD | Year | DD | Year | DD | Year | DD |
|------|--------|------|--------|------|--------|------|--------|------|--------|
| 1928 | -10.3% | 1947 | -14.7% | 1966 | -22.2% | 1985 | -7.7% | 2004 | -8.2% |
| 1929 | -44.6% | 1948 | -13.5% | 1967 | -6.6% | 1986 | -9.4% | 2005 | -7.2% |
| 1930 | -44.3% | 1949 | -13.2% | 1968 | -9.3% | 1987 | -33.5% | 2006 | -7.7% |
| 1931 | -57.5% | 1950 | -14.0% | 1969 | -16.0% | 1988 | -7.6% | 2007 | -10.1% |
| 1932 | -51.0% | 1951 | -8.1% | 1970 | -25.9% | 1989 | -7.6% | 2008 | -48.8% |
| 1933 | -29.4% | 1952 | -6.8% | 1971 | -13.9% | 1990 | -19.9% | 2009 | -27.6% |
| 1934 | -29.3% | 1953 | -14.8% | 1972 | -5.1% | 1991 | -5.7% | 2010 | -16.0% |
| 1935 | -15.9% | 1954 | -4.4% | 1973 | -23.4% | 1992 | -6.2% | 2011 | -19.4% |
| 1936 | -12.8% | 1955 | -10.6% | 1974 | -37.6% | 1993 | -5.0% | 2012 | -9.9% |
| 1937 | -45.5% | 1956 | -10.8% | 1975 | -14.1% | 1994 | -8.9% | 2013 | -5.8% |
| 1938 | -28.9% | 1957 | -20.7% | 1976 | -8.4% | 1995 | -2.5% | 2014 | -7.4% |
| 1939 | -21.2% | 1958 | -4.4% | 1977 | -15.6% | 1996 | -7.6% | 2015 | -12.4% |
| 1940 | -29.6% | 1959 | -9.2% | 1978 | -13.6% | 1997 | -10.8% | 2016 | -10.5% |
| 1941 | -22.9% | 1960 | -13.4% | 1979 | -10.2% | 1998 | -19.3% | 2017 | -2.8% |
| 1942 | -17.8% | 1961 | -4.4% | 1980 | -17.1% | 1999 | -12.1% | 2018 | -19.8% |
| 1943 | -13.1% | 1962 | -26.9% | 1981 | -18.4% | 2000 | -17.2% | 2019 | -6.8% |
| 1944 | -6.9% | 1963 | -6.5% | 1982 | -16.6% | 2001 | -29.7% | 2020 | -33.9% |
| 1945 | -6.9% | 1964 | -3.5% | 1983 | -6.9% | 2002 | -33.8% | 2021 | -4.2% |
| 1946 | -26.6% | 1965 | -9.6% | 1984 | -12.7% | 2003 | -14.1% | | |

Sự tăng trưởng đáng kinh ngạc trong thế kỷ 21 của Apple



TTCK MỸ: Bức tranh không mấy lạc quan

Các chỉ số trượt xuống thấp hơn ngay cả sau khi có Báo cáo CPI

Các chỉ số thị trường chứng khoán giảm thấp hơn so với mở cửa, đây giá xuống dưới mức thấp nhất của tuần trước vào cuối phiên. Thị trường đã phản ứng tiêu cực với báo cáo Chỉ số Giá Tiêu dùng-Thành thị (CPI-U) do Cục Thống kê và Lao động Hoa Kỳ (BLS) công bố vào đầu ngày hôm nay. Báo cáo tương tự như mức 5.4% hàng năm của tháng trước, báo hiệu rằng lạm phát chưa thực sự chậm lại. Biểu đồ dưới đây hiển thị cách các ETF của bốn chỉ số chính đã trải qua đợt trượt giá nhiều ngày đầu tiên trong vài tháng. State Street's S&P 500 Index (SPY), Invesco's Nasdaq 100 (QQQ), iShares Russell 2000 (IWM) và State Street's Dow Jones Industrial Average (DIA) đều được giao dịch ở mức giá thấp nhất trong ít nhất một tuần. Điều này có thể cho thấy rằng các nhà đầu tư đang cảm thấy lo lắng về việc nền kinh tế sẽ hoạt động như thế nào trong những tháng tới vì lạm phát vẫn còn hiển nhiên.



Các nhà đầu tư toàn cầu có đang lo lắng ?

Đồng Đô la Úc / Yên Nhật (AUDJPY) trong lịch sử có tương quan chặt chẽ với Nasdaq 100 (NDX). Trong năm qua, mối tương quan này đã chứng lại một chút, nhưng bây giờ dường

như đang được khắc phục. Điều đó thật không may cho NDX vì nó có thể có nghĩa là cặp ngoại hối sẽ dẫn những cổ phiếu đó xuống thấp hơn. Những người theo dõi biểu đồ có kinh nghiệm biết rằng cặp AUDJPY là một đại diện tốt cho thái độ toàn cầu đối với đầu tư tăng trưởng. Với việc AUDJPY dường như được định vị để theo dõi mức thấp hơn, nó có thể dự báo một đợt suy thoái tương tự đối với NDX. Bởi vì thị trường đang trải qua xu hướng giảm kéo dài hơn một tuần, hành động giá AUDJPY có thể là tín hiệu cho thấy các nhà đầu tư nhận thấy sự tiếp tục của xu hướng giảm thay vì đảo chiều.



Kết luận: Cổ phiếu giảm xuống cho thấy các nhà đầu tư đang có chút lo lắng về thị trường kèm theo thông tin lạm phát không quá tích cực. Hành động giá trên cặp tiền AUD / JPY dường như xác nhận điều này. Dự báo các chỉ báo đi xuống tối nay.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769